

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc .

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Tống Mạnh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2022, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Tồn T, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Chị Triệu Mùi P, sinh năm 1998 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 12/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đặng Tồn T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đặng Tồn T và chị Triệu Mùi P chung sống từ năm 2015 đến ngày 01/12/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh T và chị P xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng nên anh T và chị P không còn chung sống từ năm 2019 đến nay. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị P.

- *Về con chung*: Anh Đặng Tồn T và chị Triệu Mùi P có 01 con chung là Đặng Thu C, sinh ngày 22/01/2016. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Theo đơn khởi kiện, anh T yêu cầu chị P cấp dưỡng hàng tháng cho con, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T rút toàn bộ yêu cầu về cấp dưỡng, anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Đặng Tồn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Triệu Mùi P trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Mùi P đồng ý ly hôn anh Đặng Tồn T.

- *Về con chung*: Chị Triệu Mùi P đồng ý giao con chung là Đặng Thu C, sinh ngày 22/01/2016 cho anh Đặng Tồn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Triệu Mùi P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng anh Đặng Tồn T và chị Triệu Mùi P chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Tồn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung và yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng*”. Bị đơn chị Triệu Mùi P có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Tân T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Triệu Mùi P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Tồn T và chị Triệu Mùi P kết hôn ngày 01/12/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk

Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đặng Tồn T. Xét thấy, sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị P xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Anh T không còn tình cảm với chị P, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi anh T và chị P sinh sống thì năm 2019 giữa anh T và chị P có mâu thuẫn và được tổ hòa giải của thôn Đ đã hòa giải, anh T và chị P thống nhất về đoàn tụ với nhau, tuy nhiên sau đó chị P đi làm công nhân tại tỉnh B. Hiện nay chính quyền không nắm được vợ chồng anh T, chị P có mâu thuẫn như thế nào.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của anh T và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Đặng Tồn T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đặng Tồn T và chị Triệu Mùi P có 01 con chung là Đặng Thu C, sinh ngày 22/01/2016. Anh T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành.

Chị P đồng ý giao con Đặng Thu C cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Từ thời điểm vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con, Chị P đang đi làm xa, không có điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Đặng Thu C, sinh ngày 22/01/2016 cho anh Đặng Tồn T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh T rút toàn bộ yêu cầu về cấp dưỡng số tiền 1.000.000 đồng. Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng của anh T. Anh T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Anh T, chị P thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Đặng Tồn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003187 ngày 21/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả anh Đặng Tồn T số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Tồn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Tồn T được ly hôn chị Triệu Mùi P.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Thu C, sinh ngày 22/01/2016 cho anh Đặng Tồn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Đặng Tồn T. Anh T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh T, chị P có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Tồn T và chị Triệu Mùi P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đặng Tồn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003187 ngày 21/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả anh Đặng Tồn T số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi